

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – HƯNG YÊN**

Bản án số: 71/2026/HS-ST
Ngày 21-4-2026

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Xuân Bằng.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chuyên;

Ông Mai Xuân Trường.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tuyết Trinh, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên tham gia phiên toà: Ông Lê Văn Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 21/4/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2026/TLST-HS ngày 23/3/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2026/QĐXXST-HS ngày 06/4/2026, đối với bị cáo: **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 26 tháng 10 năm 1989, tại xã Đ, tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Hưng Yên; căn cước công dân số: 034089011347; nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 09/12; con ông Nguyễn Văn D (đã chết) và bà Mai Thị H; có vợ: Hà Thị S và 02 con, lớn sinh năm 2020, nhỏ sinh năm 2023; tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 29/2010/HSST ngày 14/7/2010 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên) xử phạt Nguyễn Văn T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù giam về tội “Cướp tài sản”, buộc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, ngày 19/8/2010 T chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm, ngày 13/11/2012 chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/12/2025, đến ngày 26/12/2025 chuyển tạm giam cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam T1, Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh H (có mặt).

- Người chứng kiến: Ông Phạm Trung Ú, sinh năm 1964 và ông Bùi Văn H1, sinh năm 1970; cùng nơi cư trú: Thôn P, xã T, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 20/12/2025, bị cáo Nguyễn Văn T đi xe ô tô khách từ xã Đ, tỉnh Hưng Yên lên bến xe T mục đích tìm mua ma túy để mang về sử dụng cho bản thân, khi đến nơi bị cáo T gặp một người đàn ông không quen biết (bị cáo T không biết tên, tuổi và địa chỉ), bị cáo T hỏi mua ma túy đá của người đàn ông này, người này đồng ý bán ma túy cho bị cáo T, bị cáo T lấy ra số tiền 1.600.000 đồng đưa cho người đàn ông này, sau khi nhận tiền mua ma túy của bị cáo T đưa cho, người đàn ông này đã lấy ra và đưa lại cho T một túi ma túy được gói bằng túi nilon màu trắng có mép cài bên trong túi có chất tinh thể màu trắng, bị cáo T cầm gói ma túy cất vào túi áo ngực bên trái đang mặc và bắt xe ra về, khi đi về đến khu vực thôn P, xã T, tỉnh Hưng Yên thì bị cáo T xuống xe đi bộ ra khu vực cánh đồng, mục đích đi tìm địa điểm để sử dụng ma túy thì bị tổ công tác của Công an xã T đang làm nhiệm vụ phát hiện, trước sự chứng kiến của ông Phạm Trung Ú và ông Bùi Văn H1, bị cáo T đã tự nguyện lấy ra từ túi áo ngực bên trái 01 túi nilon màu trắng có mép cài màu trắng, bên trong có chất tinh thể màu trắng, bị cáo T khai là gói ma túy mua về để sử dụng cho bản thân. Cơ quan Công an đã tiến hành niêm phong vật chứng thu được của bị cáo T, lấy mẫu nước tiểu của bị cáo T, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo T nhưng không thu giữ tài liệu đồ vật tài liệu gì, sau đó trưng cầu giám định mẫu nước tiểu và vật chứng thu được của bị cáo T.

- Tại bản kết luận giám định số 2076/KL-KTHS ngày 25/12/2025 của Phòng K Công an tỉnh H, kết luận: “Trong mẫu nước tiểu thu được của bị cáo Nguyễn Văn T, gửi giám định có tìm thấy ma túy, sản phẩm chuyển hóa của ma túy, loại Methamphetamine”.

- Tại bản kết luận giám định số 2075/KL-KTHS ngày 24/12/2025 của Phòng K Công an tỉnh H, kết luận: “Mẫu chất tinh thể màu trắng dạng bột trong niêm phong gửi giám định có khối lượng 1,1074g (một phẩy một nghìn không trăm bảy tư gam) là ma túy, loại Methamphetamine. Methamphetamine STT: 247 Danh mục IIC phụ lục kèm theo Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 và Nghị định 90/2024/NĐ-CP ngày 17/07/2024 của Chính phủ.

Bản cáo trạng số 10/CT-VKSHYN-KV, ngày 23/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên, đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ Luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, 2024, 2025 (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Văn T thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình đã thực hiện đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên đã truy tố đối với bị cáo.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX): Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 của BLHS:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù đến 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/12/2025.

- Đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của BLHS đối với bị cáo.

- Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS); Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của BLTTHS, tuyên quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Bị cáo Nguyễn Văn T không có ý kiến tranh luận, bào chữa; bị cáo T nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện trong vụ án, bị cáo T xin HĐXX cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt những người chứng kiến; căn cứ vào Điều 293 của BLTTHS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo trình tự chung.

[2] Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 20/12/2025, tại đoạn đường giao thông thuộc thôn P, xã T, tỉnh Hưng Yên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H bắt quả tang bị cáo Nguyễn Văn T đã cất giữ, tàng trữ trong người trái phép 1,1074 gam Methamphetamine mua được với mục đích sử dụng cho bản thân.

[3] Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo T được chứng minh bằng các chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang (bút lục số 11, 12); lời khai

nhận tội của bị cáo T tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như lời khai của bị cáo T trong hồ sơ vụ án (Bút lục từ số 55 đến số G); Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H lập hồi 18 giờ 10 phút ngày 20/12/2025 tại Công an xã T, tỉnh Hưng Yên (Bút lục số 30, 31); Biên bản niêm phong vật chứng thu được (bút lục số 32, 33); Bản kết luận giám định số 2075/KL-KTHS ngày 24/12/2025 của Phòng K Công an tỉnh H (Bút lục số 39); Biên bản ghi lời khai của người chứng kiến (bút lục số 48-54) cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4] Do đó, HĐXX có đủ căn cứ kết luận, hành vi phạm tội mà bị cáo Nguyễn Văn T thực hiện nêu trên, đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS.

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

1. Người nào sử dụng tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm;

a) ...

c) Heroine, C, Methamphetamine, A, Ketamine, F, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo Nguyễn Văn T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của BLHS. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo T thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

[6] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo Nguyễn Văn T đã gây ra, nhân thân của bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. HĐXX nhận thấy rằng, ma túy đang là hiểm họa của loài người, ma túy làm băng hoại đạo đức, nhân cách cũng như sức khỏe của con người, là nguyên nhân phát sinh nhiều tội phạm khác cũng như là nguyên nhân lây nhiễm lan truyền căn bệnh thế kỷ HIV/AIDS, bị cáo T có nhận thân xấu, nhưng cố ý đi mua 1,1074 gam ma túy Methamphetamine cất giấu trong người với mục để sử dụng cho bản thân, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến sự độc quyền của Nhà nước trong việc quản lý, sử dụng đối với các chất ma túy, ảnh hưởng đến an ninh trật tự và an toàn xã hội, gây hoang mang dao động trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, HĐXX nhận thấy cần thiết phải áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 50, Điều 38 của BLHS để quyết định một hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo T, cách

ly bị cáo T ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có tác dụng trừng trị, giáo dục đối với bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[7] Do bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân, nên HĐXX xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 249 của BLHS đối với bị cáo.

[8] Tại bản kết luận giám định số 2076/KL-KTHS ngày 25/12/2025 của Phòng K Công an tỉnh H, kết luận: “Trong mẫu nước tiểu thu được của bị cáo Nguyễn Văn T, gửi giám định có tìm thấy ma túy, sản phẩm chuyển hóa ma túy loại Methamphetamine”, nhưng bị cáo Nguyễn Văn T không thuộc đối tượng: Đang trong thời hạn cai nghiện hoặc trong thời gian điều trị nghiện các chất ma túy bằng thuốc thay thế hoặc trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy hoặc trong thời hạn tiếp theo sau khi hết thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H không xử lý hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại Điều 256a của BLHS là có căn cứ.

[9] Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo Nguyễn Văn T khai mua của một người đàn ông không quen biết tại bến xe T, bị cáo T không biết tên, tuổi và địa chỉ của người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H không có căn cứ để điều tra xử lý đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo T vào ngày 20/12/2025 là có căn cứ.

[10] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của BLHS; Điều 106 của BLTTHS. Đối với số ma túy thu được của bị cáo Nguyễn Văn T được hoàn lại sau giám định còn 1,0249 gam Methamphetamine là vật chứng của vụ án đã chuyển phòng thi hành án dân sự khu vực 6 – Hưng Yên là vật chứng của vụ án, cần tịch thu tiêu hủy.

[11] Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[12] Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của BLTTHS. Bị cáo Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2024, 2025; Điều 135, Điều 136, Điều 293, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 năm 09 tháng (ba năm chín tháng) tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/12/2025.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy số ma túy thu được của bị cáo Nguyễn Văn T được hoàn lại sau giám định còn 1,0249 gam Methamphetamine, được niêm phong trong phong bì số 2075/KL-KTHS của Phòng K Công an tỉnh H.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26/3/2026 tại Thi hành án dân sự khu vực 6 – Hưng Yên).

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6 -Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Công an tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Xuân Bằng